

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN LÃNH THỔ

Bài 2

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ nước ta : các điểm cực (Bắc, Nam, Đông, Tây) của phần đất liền, vùng biển, vùng trời và diện tích lãnh thổ.
- Phân tích để thấy được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ có ý nghĩa rất quan trọng đối với đặc điểm địa lí tự nhiên, đối với sự phát triển kinh tế – xã hội và vị thế của nước ta trên thế giới.

2. Về kĩ năng

Xác định được trên bản đồ Hành chính Việt Nam hoặc bản đồ Các nước Đông Nam Á vị trí và phạm vi lãnh thổ của nước ta.

3. Về thái độ

Củng cố lòng yêu quê hương, đất nước, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Các nước Đông Nam Á.
- Bản đồ Các nước trên thế giới.
- Các sơ đồ về đường cơ sở và sơ đồ đường phân định vịnh Bắc Bộ.
- Bản đồ Các khu vực giờ trên Trái Đất.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Nước ta nằm ở gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á, kéo dài gần 15 vĩ độ.

– Lãnh thổ nước ta vừa gắn với lục địa Á – Âu, vừa tiếp giáp với Thái Bình Dương rộng lớn, nằm trong múi giờ thứ 7.

– Lãnh thổ nước ta là một khối thống nhất, toàn vẹn bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.

– Vị trí địa lí nước ta có ý nghĩa về mặt tự nhiên, kinh tế, văn hoá – xã hội và quốc phòng.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Vị trí địa lí

GV treo bản đồ đã chuẩn bị, hoặc cho HS dựa vào bản đồ trong SGK để xác định biên giới đất liền và đường bờ biển của nước ta, đọc tên các nước tiếp giáp. Sau đó, GV cho HS chỉ các điểm cực (Bắc, Nam, Đông, Tây) và xác định toạ độ địa lí phần đất liền của nước ta.

Tiếp theo, GV cho HS quan sát bản đồ Các khu vực giờ trên Trái Đất, hoặc dựa vào kiến thức đã học ở lớp dưới, cho biết nước ta nằm trong múi giờ thứ mấy.

Sau khi HS đã xác định được vị trí của Việt Nam trên bản đồ, GV chốt lại những điểm nổi bật của vị trí địa lí nước ta.

2. Phạm vi lãnh thổ

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đầu tiên của mục này trong SGK.

– Để giúp HS hiểu cụ thể các bộ phận hợp thành lãnh thổ Việt Nam, GV có thể sử dụng các sơ đồ đã chuẩn bị để giảng cho HS, hoặc có thể yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học ở Địa lí 8, để trình bày lại các bộ phận hợp thành lãnh thổ Việt Nam.

3. Ý nghĩa của vị trí địa lí Việt Nam

GV có thể chia nhóm, HS thảo luận trên cơ sở tham khảo nội dung trong SGK. Sau đó, đại diện các nhóm trình bày ý kiến, các nhóm khác bổ sung. GV chốt lại kiến thức chính và có thể đưa thêm một số câu hỏi để HS có thể hiểu rõ và sâu hơn. Ví dụ :

– Tại sao khí hậu của nước ta lại không khô, nóng như một số nước cùng vĩ độ ở Tây Nam Á, Bắc Phi ?

– Tại sao Biển Đông đối với nước ta là một hướng chiến lược có ý nghĩa sống còn trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước ?

V – THÔNG TIN BỔ SUNG

ĐƯỜNG BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Đường biên giới trên đất liền của Việt Nam dài hơn 4600 km, tiếp giáp với 3 nước Trung Quốc, Lào và Campuchia.

– Đường biên giới Việt Nam – Trung Quốc dài hơn 1400 km, tiếp giáp giữa 7 tỉnh của Việt Nam (từ tây sang đông) là Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh với 2 tỉnh của Trung Quốc là Vân Nam và Quảng Tây.

– Đường biên giới Việt Nam – Lào có chiều dài gần 2100 km, tiếp giáp giữa 10 tỉnh của Việt Nam (từ bắc xuống nam) là Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Quảng Nam và Kon Tum với 10 tỉnh của Lào là Phongxali, Luông Phabăng, Hủaphăn, Xiêng Khoảng, Bôlikhămxay, Khămmuôn, Xavannakhét, Xalavan, Xê công và Áttapư.

– Đường biên giới Việt Nam – Campuchia có chiều dài hơn 1100 km, tiếp giáp giữa 10 tỉnh của Việt Nam là Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang với 9 tỉnh của Campuchia là Ranatakiri, Mundunkiri, Krache, Svay Riêng, Côngpông Chàm, Prây Veng, Ta Keo, Kon Đan và Cam Pốt.

(Theo Trần Công Trục. *Ban biên giới Chính phủ – 25 năm xây dựng và trưởng thành*.
Tập san *Biên giới và lãnh thổ*, số 8, tháng 10 – 2000).

CHỦ QUYỀN QUỐC GIA TRÊN BIỂN

Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển được kí kết vào năm 1982, nhưng kể từ ngày 16-11-1994 mới có hiệu lực pháp lí quốc tế. Việt Nam phê chuẩn công ước 1982 vào năm 1994. Theo công ước này, một quốc gia ven biển sẽ có vùng biển gồm : nội thủy, lãnh hải (rộng 12 hải lí), vùng tiếp giáp lãnh hải (rộng 12 hải lí), vùng đặc quyền về kinh tế (rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở) và vùng thềm lục địa (rộng từ 200 hải lí đến tối đa 350 hải lí). Các nước có chung biển sẽ phải xác định đường biên giới trên biển theo nguyên tắc cơ bản là thoả thuận và công bằng theo luật pháp quốc tế.

PHÂN ĐỊNH VỊNH BẮC BỘ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Hiệp định về Phân định vịnh Bắc Bộ đã được Việt Nam và Trung Quốc kí kết ngày 25-12-2000 tại Bắc Kinh.

Vịnh Bắc Bộ có diện tích khoảng 126 250 km² (36 000 hải lí vuông), chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 310 km (167 hải lí), nơi hẹp nhất khoảng 220 km

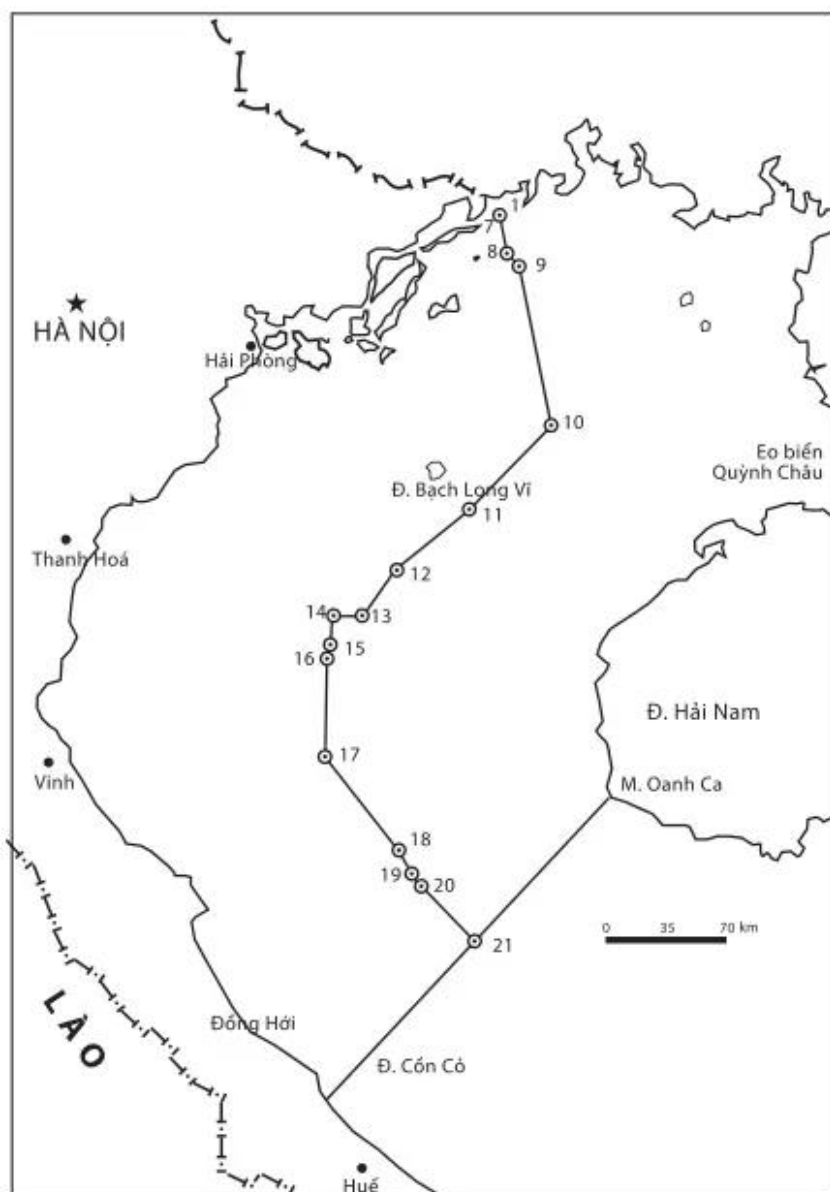
(119 hải lí). Bờ biển của vịnh có tổng chiều dài khoảng 1458 km, trong đó bờ biển của Việt Nam dài khoảng 763 km và bờ biển của Trung Quốc dài khoảng 695 km. Dọc theo bờ biển của vịnh, có khoảng 16 triệu người dân sinh sống tại 10 tỉnh, thành phố của Việt Nam và khoảng 40 triệu người dân sinh sống tại 3 tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông và Hải Nam của Trung Quốc. Vịnh có 2 cửa : eo biển Quỳnh Châu nằm giữa bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam (Trung Quốc) với bề rộng khoảng 19 hải lí, và cửa chính của vịnh từ đảo Côn Cỏ (Việt Nam) tới đảo Hải Nam (Trung Quốc) rộng khoảng 112 hải lí. Phần vịnh phía Việt Nam có khoảng 2300 đảo, đá ven bờ, đặc biệt là có đảo Bạch Long Vĩ nằm cách đất liền Việt Nam khoảng 110 km, cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng 130 km. Phía Trung Quốc chỉ có một số ít đảo nhỏ ở phía đông bắc vịnh như đảo Vị Châu, đảo Tà Dương.

Vịnh Bắc Bộ là cửa ngõ giao lưu lớn và lâu đời của Việt Nam ra thế giới, có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, thương mại quốc tế cũng như bảo vệ quốc phòng, an ninh của nước ta. Ngoài ra, vịnh còn có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú về hải sản, đáy biển của vịnh được dự báo có tiềm năng về dầu mỏ và khí đốt. Việc duy trì ổn định trong vịnh, thông qua đó bảo đảm thông thương hàng hải và khai thác hiệu quả các tài nguyên của vịnh, sẽ góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đối với Trung Quốc, vịnh Bắc Bộ cũng có tầm quan trọng to lớn không kém, đặc biệt là đối với khu vực phía nam của Trung Quốc. Vì vậy, cả hai nước đều rất coi trọng việc quản lí, sử dụng và khai thác vịnh Bắc Bộ.

Hiệp định Phân định vịnh Bắc Bộ gồm 11 điều khoản, quy định về một đường phân định nối tuần tự 21 điểm có toạ độ địa lí cụ thể để phân định rõ ràng lãnh hải (từ điểm số 1 đến điểm số 9) và ranh giới chung cho vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa (từ điểm số 9 đến điểm số 21). Phạm vi phân định theo Hiệp định là toàn bộ vịnh Bắc Bộ, với đường đóng cửa vịnh là đường thẳng nối giữa mũi Oanh Ca (đảo Hải Nam, Trung Quốc) qua đảo Côn Cỏ (Việt Nam) đến một điểm trên bờ biển Việt Nam tại tỉnh Quảng Trị (theo hình trang 19 SGK). Đường biên giới trên biển trong vịnh Bắc Bộ giữa hai nước dài khoảng 500km.

Hiệp định cũng quy định hai bên cam kết tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của mỗi bên đối với lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong vịnh đã được phân định theo Hiệp định. Theo đó, mỗi bên tự chủ tiến hành việc thăm dò, khai thác một cách độc lập các tài nguyên khoáng sản trong phạm vi vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình. Đối với các mỏ dầu, khí tự nhiên đơn nhất hoặc mỏ khoáng sản khác nằm vắt ngang đường phân định, hai bên phải thông qua hiệp thương hữu nghị để đạt

thoả thuận về việc khai thác hữu hiệu nhất cũng như việc phân chia công bằng lợi ích thu được. Đồng thời, hai bên đồng ý trao đổi về việc sử dụng hợp lí và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật, hợp tác nhằm bảo tồn, quản lí và sử dụng tài nguyên sinh vật thuộc vùng đặc quyền kinh tế trong vịnh ; mọi tranh chấp giữa hai bên liên quan đến Hiệp định sẽ được giải quyết một cách hoà bình, hữu nghị thông qua thương lượng ; việc giải quyết này không ảnh hưởng hay phương hại đến lập trường của mỗi bên đối với các quy phạm quốc tế về biển.



Sơ đồ đường phân định vịnh Bắc Bộ Việt Nam – Trung Quốc, năm 2000.

Theo đường phân định, phía Việt Nam được hưởng 67 203km² (chiếm 53,23% diện tích vịnh), phía Trung Quốc được hưởng 59 047km² (chiếm 46,77% diện tích vịnh). Đường phân định đi cách đảo Bạch Long Vĩ 15 hải lí, tức đảo được hưởng lãnh hải 12 hải lí, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 3 hải lí (25% hiệu lực) ; đảo Côn Cỏ được hưởng 50% hiệu lực trong phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Đây là một kết quả công bằng đạt được trên cơ sở luật pháp và điều kiện cụ thể của vịnh (bờ biển của Việt Nam dài hơn của Trung Quốc ; Việt Nam có nhiều đảo trong vịnh, đặc biệt là đảo Bạch Long Vĩ nằm gần chính giữa vịnh...).

Ngày 25-12-2000, Hiệp định Hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc Bộ đã được kí cùng với Hiệp định Phân định vịnh Bắc Bộ. Tuy nhiên, khác với Hiệp định Phân định, Hiệp định Hợp tác nghề cá có thời hạn hiệu lực cụ thể (12 năm và 3 năm mặc nhiên gia hạn) và giá trị pháp lí ở cấp chính phủ phê duyệt.

Theo Hiệp định Hợp tác nghề cá, hai bên thiết lập một vùng đánh cá chung rộng 33 500km², có phạm vi từ vĩ tuyến 20^oB xuống đến đường đóng cửa vịnh, cách đường phân định 30,5 hải lí về mỗi phía. Thời hạn của vùng đánh cá chung là 15 năm (12 năm chính thức và 3 năm gia hạn) và việc đánh cá chung được thực hiện theo các nguyên tắc : mỗi bên có quyền kiểm tra, kiểm soát khu vực đánh cá chung thuộc vùng đặc quyền kinh tế của mình ; sản lượng đánh bắt và số tàu thuyền của mỗi bên được phép vào khu vực đánh cá chung của phía bên kia là tương đương nhau, căn cứ vào sản lượng đánh bắt được xác định thông qua điều tra liên hợp định kì ; mỗi bên có quyền liên doanh hợp tác đánh cá với bên thứ ba trong khu vực đánh cá chung thuộc vùng đặc quyền kinh tế của mình. Ngoài vùng đánh cá chung, hai bên còn thoả thuận về một vùng dàn xếp quá độ với thời hạn 4 năm ở phía bắc vĩ tuyến 20^oB cho tàu thuyền của hai bên tiếp tục được đánh cá. Sau thời hạn quá độ, tàu thuyền của hai bên phải rút về đánh cá ở vùng đặc quyền kinh tế của mình, trừ khi được phía bên kia cho phép.

(Theo Nguyễn Dy Niên. *Phân định vịnh Bắc Bộ vì mục tiêu chiến lược lâu dài, tạo ổn định để xây dựng và phát triển đất nước*. Tạp chí *Cộng sản* – Số 17 tháng 9-2004).